

Số: 58 /QĐ-CTHADS

Hải Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2670/QĐ-CTHADS ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-CTHADS ngày 31 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện

Quyết định này./. *fd*

### Nơi nhận:

- Tổng cục Thi hành án dân sự (để b/c);
- Trang TTĐT của Cục (để đăng tải);
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KT.

**CỤC TRƯỞNG**  
  
*ve*  
**Nguyễn Văn Tuấn**





**ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-CTHADS ngày 07/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số phân bổ	VP Cục	TP Hải Dương	TP Chí Linh	H. Nam Sách	H. Thanh Hà	TX. Kinh Môn	H. Kim Thành	H. Cẩm Giàng	H. Bình Giang	H. Ninh Giang	H. Thanh Miện	H. Tứ Kỳ	H. Gia Lộc
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí															
I	Số thu phí, lệ phí															0
1	Lệ phí															
	Lệ phí...															
	Lệ phí...															
2	Phí THA															0
	Phí THADS															
	Phí điều hoà	0														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại															0
I	Chi sự nghiệp.....															
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2	Chi quản lý hành chính															
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ															
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước															
I	Lệ phí															
	Lệ phí...															
	Lệ phí...															
2	Phí THA															
	Phí THADS															
	Phí ...															
B	Dự toán chi NSNN	3.441.000	3.441.000	630.700	300.150	252.800	200.450	250.900	224.750	71.000	233.950	153.100	211.050	234.500	249.650	218.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.441.000	3.441.000	630.700	300.150	252.800	200.450	250.900	224.750	71.000	233.950	153.100	211.050	234.500	249.650	218.000
1	Chi quản lý hành chính	3.441.000	3.441.000	630.700	300.150	252.800	200.450	250.900	224.750	71.000	233.950	153.100	211.050	234.500	249.650	218.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.712.000	2.712.000	630.700	214.150	212.800	154.450	205.900	180.750	28.000	192.950	115.100	168.050	189.500	201.650	218.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	729.000	729.000	145.000	86.000	65000	40.000	46.000	45.000	44.000	43.000	41.000	38.000	43.000	45.000	48.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ															
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề															
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															

ĐV tính: nghìn đồng

